

MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GẮN LIỀN VỚI TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Mai Thị Mỹ Hằng*

ABSTRACT

Economic growth and social justice are two sides of a socio-economic development process, which are mutually related. Economic growth creates material conditions for social justice. Without economic growth, there is also no wealth to realize social justice in terms of distribution, increase income, improve welfare and reduce poverty. In contrast, social justice creates the driving force for economic growth. However, in reality in Vietnam, this relationship is revealing many problems that need to be resolved.

Keywords: *Economic growth, progress and social justice*

Ngày nhận bài: 9/5/2021; Ngày phân biện: 11/5/2021; Ngày duyệt đăng: 20/5/2021

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu tái sản xuất tư bản chủ nghĩa, C.Mác chỉ ra rằng, giá trị thặng dư được đưa vào thị trường, thì chuyển hóa thành lợi nhuận và trở thành thu nhập của chủ sở hữu. Tái sản xuất mở rộng là quá trình sản xuất được lặp lại với quy mô lớn hơn trước. Quá trình này làm cho quy mô sản lượng đạt được ở thời kỳ này lớn hơn so với ở thời kỳ trước. Tái sản xuất mở rộng tất yếu dẫn đến tăng trưởng kinh tế, tức là có sự tăng lên về quy mô sản lượng của nền kinh tế của một năm so với năm liền kề trước đó. Điều kiện để có sự tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng quy mô của các nguồn lực sản xuất, tính tiên tiến trong cấu trúc sản xuất, tính tiến bộ, phù hợp của quan hệ sản xuất và tính tích cực của thể chế kinh tế nhà nước.

Theo nghĩa rộng, công bằng xã hội được xem xét cả phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, trong đó, công bằng về kinh tế là quan trọng nhất. Tuy mỗi hình thái kinh tế - xã hội đều có chuẩn mực riêng về công bằng xã hội, nhưng giữa chúng lại có chung nguồn gốc là chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất và đều là vấn đề chính trị có liên quan đến nhà nước. Tuy nhiên, C.Mác cũng chỉ rõ, không thể có một sự công bằng chung cho mọi chế độ xã hội. Nói đến công bằng xã hội là nói đến công lý phân phối, mà việc phân phối này lại chịu sự chi phối của chế độ sở hữu về các điều kiện của sản xuất.

Như vậy, có thể hiểu, tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội có mối quan hệ biện chứng với nhau và là hai mặt của một quá trình phát triển KT -XH, có quan hệ tương hỗ lẫn nhau. Tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện vật chất để thực hiện công bằng xã hội. Không có

tăng trưởng kinh tế, thì cũng không có của cải để thực hiện công bằng xã hội về phân phối, tăng thêm thu nhập, cải thiện phúc lợi và giảm nghèo.

2. Thực tiễn giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở Việt Nam

Giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là nét nổi bật của cách mạng Việt Nam. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tâm niệm: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Nhờ cuộc Cách mạng này, người dân Việt Nam đã có cơ hội công bằng trong đời sống xã hội và phát triển kinh tế.

Trước thời kỳ đổi mới kinh tế (năm 1986), Việt Nam đã lựa chọn con đường nhân mạnh công bằng xã hội trước và tăng trưởng kinh tế sau giống như các nước thuộc hệ thống XHCN trước đây. Với sự lựa chọn này, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu về tiến bộ, công bằng xã hội, các chỉ số về giáo dục, y tế, công bằng xã hội của Việt Nam thường đạt được cao hơn so với các nước có cùng mức thu nhập. Tuy nhiên, nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng rất chậm, mức thu nhập bình quân đầu người ở mức rất thấp (năm 1976 đạt 140 USD, năm 1985 đạt 193 USD), thuộc 1 trong 20 nước có mức thu nhập bình quân đầu người thấp nhất thế giới.

Bước sang thời kỳ đổi mới, có thể lấy mốc là Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), quan điểm phát triển kinh tế của Đảng và nhà nước đã có sự thay đổi. Đến Đại hội VII (1991), với bản Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lần thứ nhất (1991-2000), Đảng và Nhà nước Việt Nam đã hướng tới thực hiện mô hình

* Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

phát triển gắn kết đồng thời tăng trưởng với tiến bộ công bằng xã hội. Trong quan điểm phát triển, bản Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1991-2000, đã xác định rõ: “Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân”. Để thực hiện mục tiêu này, cần đảm bảo: “*Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường*”. Việc thực hiện thành công Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1991-2000 đã giúp chúng ta thoát khỏi cửa ải thứ nhất là thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế, tăng trưởng kinh tế đạt tốc độ nhanh.

Sự lựa chọn con đường phát triển toàn diện (gắn kết ngay từ đầu tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội) tiếp tục thể hiện rõ hơn trong quan điểm phát triển đặt ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lần thứ 2 - giai đoạn 2001-2010: Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Phấn đấu đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hòa giữa con người với tự nhiên. Tiếp theo, nhiều chiến lược và các văn kiện khác đã cụ thể hóa, hoàn thiện và bổ sung cho nội dung của mô hình phát triển toàn diện mà chúng ta lựa chọn. Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo (CPRGS) được Chính phủ phê duyệt tháng 5 năm 2002, đã nhấn mạnh việc xóa đói giảm nghèo là yếu tố cơ bản để bảo đảm công bằng xã hội và tăng trưởng bền vững và ngược lại chỉ có tăng trưởng cao, bền vững mới có sức mạnh vật chất để hỗ trợ người nghèo vươn lên. CPRGS đã đưa ra cụ thể mục tiêu, cơ chế, chính sách và giải pháp thực hiện sự kết hợp hai nội dung kinh tế và xã hội trong quá trình phát triển đất nước.

Quan điểm này tiếp tục được hoàn thiện trong Đại hội XII (2016) với việc khẳng định tiếp tục lựa chọn con đường phát triển nói trên với 5 quan điểm phát triển chủ đạo như sau: (1) Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược; (2) Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; (3) Thực hành dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển; (4) Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản

xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (5) Phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trong sự kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, vai trò của tăng trưởng kinh tế đã được xác định rõ trong Chiến lược 2001-2010 và khẳng định lại trong Chiến lược 2011-2020, đó là: “*Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp là yêu cầu cấp thiết*”.

Trong điều kiện mới, dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển rất nhanh, văn kiện Đại hội XIII (năm 2020) của Đảng đã chỉ rõ những nội dung mới: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”. Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số”.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã xác định: “Với cải cách nâng cao chất lượng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả, là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai. Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới. Phải coi trọng hơn quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với giữ vững kỷ luật kỷ cương. Phát triển nhanh, hài hòa các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực của nền kinh tế”.

Như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán quan điểm đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển, *thực hiện tiến bộ công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển, xác*

định một trong những mối quan hệ lớn cần tiếp tục quán triệt và xử lý tốt là quan hệ “ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”.

Nhờ những định hướng đúng đắn trên, nền kinh tế Việt Nam đã phát triển liên tục với tốc độ tương đối cao trong suốt 35 năm qua, với mức tăng trưởng trung bình khoảng 7% mỗi năm. Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,7 tỷ đô la Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD; Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008. Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới. Công nghiệp phát triển khá nhanh, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ liên tục tăng và hiện nay chiếm khoảng 85% GDP. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh, năm 2020 đạt trên 540 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 280 tỷ USD. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỷ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng ký đạt gần 395 tỷ USD vào cuối năm 2020. Về cơ cấu nền kinh tế xét trên phương diện quan hệ sở hữu, tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam hiện nay gồm khoảng 27% từ kinh tế nhà nước, 4% từ kinh tế tập thể, 30% từ kinh tế hộ, 10% từ kinh tế tư nhân trong nước và 20% từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Hiện dân số của Việt Nam là hơn 97 triệu người, gồm 54 dân tộc anh em, trong đó hơn 60% số dân sống ở nông thôn. Phát triển kinh tế đã giúp đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm 80 và cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%; giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu chí cao hơn trước). Đến nay, hơn 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; hầu hết các xã nông thôn đều có đường ô tô đến trung tâm, có điện lưới quốc gia, trường tiểu học và trung học cơ sở, trạm y tế và điện thoại. Trong khi chưa có điều kiện để bảo đảm giáo dục miễn phí cho mọi người ở tất cả các cấp, Việt Nam tập trung hoàn thành xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010; số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 17 lần trong 35 năm qua. Hiện nay, Việt Nam có 95% người lớn biết đọc, biết viết. Trong khi chưa thực hiện được việc bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế miễn phí cho toàn dân, Việt

Nam tập trung vào việc tăng cường y tế phòng ngừa, phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Nhiều dịch bệnh vốn phổ biến trước đây đã được khống chế thành công. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm gần 3 lần. Tuổi thọ trung bình của dân cư tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 73,7 tuổi năm 2020. Cũng nhờ kinh tế có bước phát triển nên chúng ta đã có điều kiện để chăm sóc tốt hơn những người có công, phụng dưỡng các Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho phần mộ của các liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc. Đời sống văn hoá cũng được cải thiện đáng kể; sinh hoạt văn hóa phát triển phong phú, đa dạng. Hiện Việt Nam có khoảng 70% dân số sử dụng Internet, là một trong những nước có tốc độ phát triển công nghệ tin học cao nhất thế giới. Liên hợp quốc đã công nhận Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hoá các Mục tiêu Thiên niên kỷ. Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển.

3. Kết luận

Mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội thể hiện trên cả góc độ lý luận và thực tiễn tại nước ta. Trong thời gian tới, quan điểm của Đảng và Nhà nước về mục tiêu tăng trưởng với vai trò là điều kiện cần cho phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được hoàn thiện theo hướng ngày càng tích cực hơn, xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn đặt ra. Quan điểm tăng trưởng nhanh, gắn với nâng cao chất lượng và hiệu quả tăng trưởng hiện nay là phù hợp với việc thực hiện mô hình phát triển gắn tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội. Do đó, quan điểm này cần được tiếp tục thực hiện trong giai đoạn tiếp sau./

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB. Chính trị quốc gia.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
4. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002). *Toàn tập, tập 23*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.